

Deloitte.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 49



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Đăng Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)
Ông Thân Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc

Số: 10/LO/VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 49 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - công ty con của Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến trên 1 năm với giá trị khoảng 97,8 tỷ VND; đồng thời, Công ty có một số công trình có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn hơn giá trị hợp đồng còn lại với giá trị khoảng 30 tỷ VND và một số công trình đã hoàn thành từ lâu nhưng chưa thực hiện quyết toán được với chủ đầu tư có giá trị khoảng 65,5 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về giá trị có thể thu hồi đối với số dư các khoản phải thu khách hàng và giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình nêu trên, cũng như không thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 chưa ghi nhận khoản thuế phải nộp, phải trả phạt chậm nộp, tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và tiền quỹ đất bổ sung theo các công văn thông báo của cơ quan thuế với tổng số tiền khoảng 55 tỷ VND. Theo đó, chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và “Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bị phản ánh thấp hơn với số tiền lần lượt khoảng 40,6 tỷ VND và 14,4 tỷ VND; đồng thời, chỉ tiêu “Giá vốn hàng hóa và dịch vụ cung cấp” và “Chi phí khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014 bị phản ánh thấp hơn với số tiền lần lượt khoảng 14,1 tỷ VND và 40,9 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Công ty liên kết của Tổng Công ty (Tổng Công ty sở hữu 30% vốn điều lệ) đang thực hiện các thủ tục để thống nhất việc ghi nhận khoản thu nhập từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với số tiền khoảng 12 tỷ VND. Việc ghi nhận khoản thu nhập này sẽ ảnh hưởng tới giá trị của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trên báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính với số tiền là 3,8 tỷ VND theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel - Công ty liên kết của Tổng Công ty (gọi tắt là “VVF”) có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính khác với giá trị ghi sổ là 79 tỷ VND đã đáo hạn từ ngày 11 tháng 8 năm 2012 nhưng chưa thu hồi được, và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn từ ngày 19 tháng 10 năm 2012 nhưng chưa thu hồi được.

Theo Điều 24.4 - Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) ban hành ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”), đối với một số loại tài sản phát sinh trước ngày hiệu lực của Thông tư 02 (tức là ngày 01 tháng 6 năm 2014), tổ chức tín dụng phải báo cáo NHNN về tình hình tài sản, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, khả năng, kế hoạch trích lập và sử dụng dự phòng và thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các tài sản này theo hướng dẫn của NHNN đối với từng trường hợp cụ thể.

VVF đã gửi Công văn số 126/2014/CV/VVF-KSRR&TDDL ngày 07 tháng 5 năm 2014 và Công văn số 149/2014/CV/VVF-KSRR&TDDL ngày 28 tháng 5 năm 2014 tới NHNN đề nghị hướng dẫn xử lý đối với hai khoản cụ thể nêu trên. Ngày 19 tháng 6 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng đã có Công văn số 457/TTGSNH trả lời, trong đó đề nghị VVF khẩn trương hoàn thiện phương án tái cơ cấu và NHNN sẽ xem xét xử lý kiến nghị của VVF trong tổng thể phương án tái cơ cấu đến năm 2015 của VVF. Theo hướng dẫn này của NHNN, VVF đã gửi dự thảo phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên lên NHNN. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, VVF vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên theo yêu cầu của NHNN để đề nghị NHNN phê duyệt. Do chưa có hướng dẫn cụ thể từ NHNN nên VVF chưa tiến hành trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

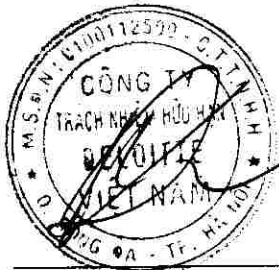
Theo đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận ảnh hưởng của việc chưa trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên của VVF đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi nhuận từ VVF trong năm 2014 được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
				(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.360.763.993.270	12.928.241.462.655
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438
1. Tiền	111		735.455.423.948	760.194.948.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		743.149.791.435	350.406.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	159.902.015.160	90.974.152.186
1. Đầu tư ngắn hạn	121		166.013.347.752	91.666.870.860
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.111.332.592)	(692.718.674)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.819.467.265.293	5.663.137.645.666
1. Phải thu khách hàng	131		4.816.698.461.427	4.416.392.222.350
2. Trả trước cho người bán	132		646.555.192.998	786.400.409.145
3. Các khoản phải thu khác	135	7	766.758.131.070	772.835.301.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(410.544.520.202)	(312.490.287.466)
IV. Hàng tồn kho	140	8	4.290.984.133.589	5.431.279.481.655
1. Hàng tồn kho	141		4.323.018.433.052	5.441.883.088.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.034.299.463)	(10.603.606.532)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		611.805.363.845	632.249.234.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.095.306.708	13.177.658.346
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		62.790.805.789	104.742.375.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		37.750.736.371	94.076.529.455
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	497.168.514.977	420.252.671.709

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013 (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		10.461.078.038.354	10.024.908.999.754
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		353.541.679.982	295.804.962.048
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.421.963.879	1.518.786.847
2. Phải thu dài hạn khác	218	10	353.221.902.599	295.388.361.697
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.102.186.496)	(1.102.186.496)
II. Tài sản cố định	220		5.031.223.740.814	5.024.768.715.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.647.070.583.337	2.009.702.673.911
- Nguyên giá	222		3.592.853.273.336	3.817.251.901.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.945.782.689.999)	(1.807.549.227.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	36.953.920.697	41.860.862.104
- Nguyên giá	225		84.186.368.637	84.186.368.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.232.447.940)	(42.325.506.533)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	48.455.532.325	50.353.516.195
- Nguyên giá	228		55.294.239.267	56.328.410.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.838.706.942)	(5.974.893.911)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	3.298.743.704.455	2.922.851.663.061
III. Bất động sản đầu tư	240	15	1.216.515.492.100	989.730.238.102
- Nguyên giá	241		1.499.700.878.917	1.221.062.127.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(283.185.386.817)	(231.331.889.725)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.576.099.001.194	3.440.468.653.136
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	1.127.713.842.741	1.072.784.811.924
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	2.475.849.434.322	2.413.240.831.963
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(27.464.275.869)	(45.556.990.751)
V. Tài sản dài hạn khác	260		269.041.771.439	272.057.853.563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	156.451.799.593	163.532.037.975
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		109.608.376.996	105.731.323.995
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.981.594.850	2.794.491.593
VI. Lợi thế thương mại	269		14.656.352.825	2.078.577.634
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.821.842.031.624	22.953.150.462.409

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.549.480.634.159	15.828.719.903.468
I. Nợ ngắn hạn	310		10.268.632.647.794	10.645.236.673.755
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	2.481.102.794.569	2.893.616.985.778
2. Phải trả người bán	312		2.546.019.988.372	2.443.089.313.807
3. Người mua trả tiền trước	313		2.275.688.780.163	2.096.418.403.926
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	418.676.710.132	492.352.162.054
5. Phải trả người lao động	315		181.312.570.573	188.382.294.425
6. Chi phí phải trả	316		773.454.343.440	754.751.036.209
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	1.565.912.186.816	1.745.272.081.834
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.443.649.608	3.375.523.912
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.021.624.121	27.978.871.810
II. Nợ dài hạn	330		5.280.847.986.365	5.183.483.229.713
1. Phải trả dài hạn người bán	331		81.373.083.879	88.956.037.500
2. Phải trả dài hạn khác	333		49.081.423.774	48.098.677.120
3. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.591.828.698.317	3.595.444.278.251
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.534.064.771	1.613.570.624
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		14.799.661.484	688.966.680
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	22	209.805.538.410	205.012.231.892
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.328.613.219.116	1.240.710.823.407
8. Quỹ phát triển khoa học	339		3.812.296.614	2.958.644.239
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.804.463.677.912	5.645.469.390.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.551.144.843.300	5.394.266.045.604
1. Vốn điều lệ	411	24	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	355.104.902.000	355.104.902.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	24	7.592.571.842	7.592.571.842
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	24	6.676.140.566	6.317.720.624
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	24	453.314.057.841	457.558.078.538
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	24	102.409.089.179	102.320.642.770
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	24	3.292.438.726	3.327.649.438
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24	205.648.913.146	44.937.750.392
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		253.318.834.612	251.203.345.004
1. Nguồn kinh phí	432	24	253.318.834.612	251.203.345.004
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.467.897.719.553	1.478.961.168.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		22.821.842.031.024	22.953.150.462.409

Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.347.689.311.188	11.173.213.914.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.232.095.833	69.065.429.839
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	8.346.457.215.355	11.104.148.484.921
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	7.366.561.436.071	9.659.202.056.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		979.895.779.284	1.444.946.428.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	192.965.944.335	408.812.677.368
7. Chi phí tài chính	22	30	299.246.061.663	839.628.708.264
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		275.832.731.052	663.439.192.859
8. Chi phí bán hàng	24		54.016.276.443	188.487.574.461
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		514.858.067.159	516.514.880.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		304.741.318.354	309.127.942.580
11. Thu nhập khác	31		234.070.346.734	435.137.768.305
12. Chi phí khác	32		209.487.278.987	61.606.194.725
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31	24.583.067.747	373.531.573.580
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		90.812.799.428	30.353.895.725
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		420.137.185.529	713.013.411.885
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		55.854.364.644	70.518.827.067
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(4.460.220.371)	119.573.503.072
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		368.743.041.256	522.921.081.746
Trong đó:				
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh			-	5.294.984.288
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		63.248.465.144	21.610.505.519
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		305.494.576.112	496.015.591.939
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32		1.123


Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởngVu Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	420.137.185.529		713.013.411.885	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	333.255.614.297		573.215.806.554	
Các khoản dự phòng	03	106.810.824.703		(2.971.821.494)	
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(27.340.639.196)		(68.918.116.875)	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(127.803.850.248)		(599.634.456.908)	
Chi phí lãi vay	06	275.832.731.052		663.439.192.859	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	980.891.866.137		1.278.144.016.021	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(456.876.737.580)		(374.223.907.986)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.106.528.194.786		375.133.706.073	
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	219.356.196.166		(164.344.315.456)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.845.252.522		(26.232.285.711)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(235.319.884.772)		(636.326.428.368)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(73.274.595.150)		(116.172.670.114)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.877.600.232		62.411.716.633	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(78.456.241.385)		(110.211.866.202)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.481.571.650.956		288.177.964.890	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(588.354.301.146)		(472.699.386.764)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	73.966.907.829		49.076.672.307	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(342.650.966.701)		(29.248.523.270)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.286.440.285		2.639.615.932.055	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(119.686.047.600)		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	104.836.812.479		296.029.935.065	
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.267.848.368		135.431.388.886	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(608.333.306.486)		2.618.206.018.279	

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.686.304.460.259	5.816.428.625.733		
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.015.917.922.864)	(8.518.282.045.459)		
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(517.701.998)		
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(175.620.614.920)	(21.471.000)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(505.234.077.525)	(2.702.392.592.724)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	368.004.266.945	203.991.390.445		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.110.600.948.438	906.609.557.993		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438		

Trần Minh Toán
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty Cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 30 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (**)	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng (*)	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	79,74%	57,33%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	78,35%	76,33%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	77,15%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (**)	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	85,26%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
		biểu quyết của Công ty mẹ (%)	trực tiếp của Công ty mẹ (%)	
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (*)	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công ty Cổ phần Vipaco	53,13%	21,25%	Sản xuất và kinh doanh bao bì
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (*)	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,20%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	96,52%	95,51%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ

(*) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành các Nghị quyết phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Do Tổng Công ty vẫn chiếm quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này, nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (gọi tắt là "Vinaconex 7") và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (gọi tắt là "Vinaconex R&D") thấp hơn 50,00%, tuy nhiên, do Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị Vinaconex 7, Vinaconex R&D và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này, nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo):

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cầu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, một số công ty con của Tổng Công ty có dấu hiệu mất khả năng thanh toán, bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng số 16, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex, Công ty Cổ phần Vipaco, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex và Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Nam. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty mẹ - Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu và có kế hoạch thoái vốn đầu tư tại một số công ty con nêu trên để tập trung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo đó, tình hình tài chính của các công ty này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng như báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Bảng cân đối kế toán của các công ty con bán đi trong năm không được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 đến 5 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê tài sản và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê tài sản thể hiện số tiền thuê tài sản đã được trả trước. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. (trong trường hợp trả trước tiền thuê đất, nếu Tổng Công ty và các công ty con có Chứng nhận quyền sử dụng đất, có thể hạch toán khoản này là tài sản cố định vô hình).

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành khối lượng công việc xây dựng được người mua chấp nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Đối với các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tại thời điểm cuối năm, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của công ty con hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện lũy kế và phần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (Basic EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.201.731.035	20.136.188.712
Tiền gửi ngân hàng	717.253.692.913	740.058.759.726
Các khoản tương đương tiền (i)	743.149.791.435	350.406.000.000
	<u>1.478.605.215.383</u>	<u>1.110.600.948.438</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

Một số công ty con của Tổng Công ty đã sử dụng một phần số dư tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng để đảm bảo cho các khoản vay. Các khoản tiền gửi ngân hàng này vẫn được các công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh với tính thanh khoản ổn định.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Tiền gửi có kỳ hạn	17.611.143.330	29.248.523.270
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	266.061.423	956.277.774
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	148.136.142.999	61.462.069.816
	<u>166.013.347.752</u>	<u>91.666.870.860</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(6.111.332.592)	(692.718.674)
	<u>159.902.015.160</u>	<u>90.974.152.186</u>

- (i) Gồm các khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013 (Xem tại Thuyết minh số 17) với số tiền 111.070.655.571 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 49.737.069.816 VND).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu các Tổ đội thi công	166.699.888.534	234.564.184.873
Công ty Mua bán điện (i)	98.160.494.316	-
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình (ii)	30.000.150.800	190.913.530.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại dương Thăng Long	-	85.138.889.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex (ii)	31.198.454.622	38.411.734.966
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.913.500.000	324.453.552
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.433.278.728	4.484.851.074
Phải thu khác	395.352.364.070	218.997.657.728
	<u>766.758.131.070</u>	<u>772.835.301.637</u>

- (i) Phản ánh số tiền còn phải thu Công ty Mua bán điện từ doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử của Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) - công ty con của Tổng Công ty.
- (ii) Phản ánh giá trị các khoản cho các công ty liên kết vay vốn lưu động.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	19.488.733	423.279.133
Nguyên liệu, vật liệu	93.188.319.630	58.613.618.059
Công cụ, dụng cụ	10.192.660.825	11.384.504.502
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	4.169.399.882.592	5.280.571.016.641
Thành phẩm	16.539.264.313	20.131.553.462
Hàng hoá	5.918.984.017	4.971.287.742
Hàng hóa bất động sản	27.450.966.899	64.941.372.299
Hàng gửi đi bán	308.866.043	846.456.349
	<u>4.323.018.433.052</u>	<u>5.441.883.088.187</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.034.299.463)	(10.603.606.532)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>4.290.984.133.589</u>	<u>5.431.279.481.655</u>

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí của Dự án Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (Các công ty con của Tổng Công ty), tài sản hình thành từ các Dự án trên được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	146.671.815.875	97.312.827.990
Tạm ứng Tổ đội thi công (ii)	304.046.201.564	290.458.418.022
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.291.592.478	2.248.584.492
Tài sản ngắn hạn khác	42.158.905.060	30.232.841.205
	<u>497.168.514.977</u>	<u>420.252.671.709</u>

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

(ii) Tạm ứng các đội thi công phản ánh số tiền các công ty con đã ứng cho các đội, nhân viên của công ty để thực hiện thi công xây dựng hoặc các công việc khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này và cho rằng không cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền khoảng 148.791 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 183.487 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với số tiền khoảng 204.430 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111.901 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-XMYB và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-XMYB ngày 27 tháng 9 năm 2006 với mục đích để nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 000166/2014/QĐ-HĐQT về việc “Điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay đầu tư của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình”, theo đó, khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được kéo dài thời gian trả nợ gốc thêm 4 (bốn) năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

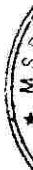
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN**II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.872.028.708.622	1.061.685.970.121	797.236.213.777	86.301.008.499	3.817.251.901.019
Mua trong năm	866.569.134	44.189.564.831	16.220.500.652	1.843.542.139	63.120.176.756
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	371.312.595	246.363.636	32.154.979.977	-	32.772.656.208
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(15.869.139.074)	(310.835.690)	-	-	(16.179.974.764)
Thanh lý, nhượng bán	(62.006.342)	(41.563.756.403)	(222.289.964.966)	(327.799.122)	(264.243.526.833)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn tại công ty con (*)	(5.291.745.093)	(30.629.273.715)	(1.184.363.788)	(327.987.843)	(37.433.370.439)
Tặng/(Giảm) khác trong năm	(6.119.687.429)	3.767.614.341	(20.600.000)	(61.915.523)	(2.434.588.611)
Tại ngày 31/12/2014	1.845.924.012.413	1.037.385.647.121	622.116.765.652	87.426.848.150	3.592.853.273.336
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	573.294.813.225	747.442.992.303	423.847.795.472	62.963.626.108	1.807.549.227.108
Khấu hao trong năm	118.163.867.094	65.172.151.623	77.775.618.341	6.850.672.207	267.962.309.265
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(871.810.285)	(77.708.920)	-	-	(949.519.205)
Thanh lý, nhượng bán	(50.322.000)	(33.414.103.145)	(67.401.039.607)	(327.406.626)	(101.192.871.378)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn tại công ty con (*)	(2.266.320.980)	(23.606.614.590)	(578.122.379)	(152.546.843)	(26.603.604.792)
Tặng/(Giảm) khác trong năm	598.407.201	(953.186.236)	(71.100.496)	(556.971.468)	(982.850.999)
Tại ngày 31/12/2014	688.868.634.255	754.563.531.035	433.573.151.331	68.777.373.378	1.945.782.689.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	1.157.055.378.158	282.822.116.086	188.543.614.321	18.649.474.772	1.647.070.583.337
Tại ngày 31/12/2013	1.298.733.895.397	314.242.977.818	373.388.418.305	23.337.382.391	2.009.702.673.911

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.185.334 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.390.880 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước, Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước tại thời điểm thoái vốn được ghi giảm với số tiền lần lượt là khoảng 37,4 tỷ VND và 26,6 tỷ VND.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
Tại ngày 31/12/2014	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.669.175.415	4.237.954.086	36.418.377.032	42.325.506.533
Khấu hao trong năm	103.087.344	389.511.560	4.414.342.503	4.906.941.407
Tại ngày 31/12/2014	1.772.262.759	4.627.465.646	40.832.719.535	47.232.447.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	621.695.966	1.808.697.698	34.523.527.033	36.953.920.697
Tại ngày 31/12/2013	724.783.310	2.198.209.258	38.937.869.536	41.860.862.104

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	53.098.362.118	3.230.047.988	56.328.410.106
Tăng trong năm	355.486.000	521.781.818	877.267.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(54.469.422)	(54.469.422)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư (Giảm) khác trong năm	(1.586.569.235)	-	(1.586.569.235)
Tại ngày 31/12/2014	51.867.278.883	3.426.960.384	55.294.239.267
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	3.451.046.510	2.523.847.401	5.974.893.911
Khấu hao trong năm	447.418.706	698.594.406	1.146.013.112
Thanh lý, nhượng bán	-	(54.469.422)	(54.469.422)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư (Giảm) khác trong năm	(82.205.660)	-	(82.205.660)
Tại ngày 31/12/2014	3.816.259.556	3.022.447.386	6.838.706.942
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	48.051.019.327	404.512.998	48.455.532.325
Tại ngày 31/12/2013	49.647.315.608	706.200.587	50.353.516.195

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 52 Lạc Long Quân với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.855.237.316 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.637.014.444 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (*)	1.800.701.626.678	1.341.291.232.406
Công trình Trung tâm Thương mại Chợ Mơ (*)	979.275.067.889	1.090.865.520.637
Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà (*)	203.800.069.775	180.664.965.998
Dự án Mở đường vào khu Trung Văn	66.479.369.572	66.326.145.572
Công trình Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	74.091.375.846	61.405.319.248
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	8.361.494.008	19.714.002.847
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	74.122.885.078	73.943.002.351
Công trình mạng lưới cấp nước Sông Đà, Hà Nội	26.834.114.731	26.834.114.731
Các dự án khác	65.077.700.878	61.807.359.271
	3.298.743.704.455	2.922.851.663.061

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, tài sản hình thành từ các Công trình này được dùng để thế chấp cho các khoản tiền vay theo các hợp đồng vay dài hạn giữa các công ty con với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.041.091.405.384	9.627.543.200	170.343.179.243	1.221.062.127.827
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	284.055.383.556	-	-	284.055.383.556
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	13.227.592.119	-	2.952.382.645	16.179.974.764
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	-	1.586.569.235	1.586.569.235
Thanh lý, nhượng bán	(22.325.754.354)	-	(2.654.763.410)	(24.980.517.764)
Tăng khác	1.570.763.357	-	226.577.942	1.797.341.299
Tại ngày 31/12/2014	1.317.619.390.062	9.627.543.200	172.453.945.655	1.499.700.878.917
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	179.946.086.490	2.316.613.545	49.069.189.690	231.331.889.725
Khấu hao trong năm	49.472.830.161	385.101.728	9.382.418.624	59.240.350.513
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	680.490.887	-	269.028.318	949.519.205
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	-	82.205.660	82.205.660
Thanh lý, nhượng bán	(1.608.063.094)	-	(248.084.092)	(1.856.147.186)
(Giảm) khác	(6.562.431.100)	-	-	(6.562.431.100)
Tại ngày 31/12/2014	221.928.913.344	2.701.715.273	58.554.758.200	283.185.386.817
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	1.095.690.476.718	6.925.827.927	113.899.187.455	1.216.515.492.100
Tại ngày 31/12/2013	861.145.318.894	7.310.929.655	121.273.989.553	989.730.238.102

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là khoảng 262.211 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 310.470 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính	Giá gốc		Tăng(giảm)		Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
						VND	VND	VND	VND	
Góp vốn liên doanh										
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	340.269.000.000	(126.856.366.702)			213.412.633.298
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	Hà Nội	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	20.110.184.541	58.253.711.932			78.363.896.473
Công ty liên kết										
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,20%	29,20%	Sản xuất công nghiệp	110.915.000.000	50.957.981.980			161.872.981.980
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ	14.560.000.000	11.677.450.066			26.237.450.066
3	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	34.788.609.112	6.465.934.200			41.254.543.312
4	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Quảng Ninh	30,00%	30,00%	Sản xuất xi măng	600.000.000.000	(491.771.260.333)			108.228.739.667
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Hà Nội	40,48%	30,36%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	50.608.913.053	(50.608.913.053)			-
6	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (iii)	Hà Nội	39,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng	390.000.000.000	27.360.809.823			417.360.809.823
7	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	Hà Nội	22,33%	10,00%	Sản xuất công nghiệp	6.900.000.000	589.338.905			7.489.338.905
8	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng	81.002.171.000	(49.619.803.383)			31.382.367.617
9	Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (ii)	Hà Nội	21,00%	21,00%	Đầu tư và khai thác đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang	42.111.081.600	-			42.111.081.600
						1.691.264.959.306	(563.551.116.565)			1.127.713.842.741

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính	Giá gốc khoản đầu tư VND	Tăng/(giảm) do biến động tài sản thuần VND	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Góp vốn liên doanh								
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	340.269.000.000	(126.856.366.702)	213.412.633.298
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	Hà Nội	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	20.110.184.541	58.253.711.932	78.363.896.473
Công ty liên kết								
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,20%	29,20%	Sản xuất công nghiệp	110.915.000.000	50.957.981.980	161.872.981.980
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ	14.560.000.000	11.677.450.066	26.237.450.066
3	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	34.788.609.112	6.465.934.200	41.254.543.312
4	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Quảng Ninh	30,00%	30,00%	Sản xuất xi măng	600.000.000.000	(491.771.260.333)	108.228.739.667
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Hà Nội	40,48%	30,36%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	50.608.913.053	(50.608.913.053)	-
6	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i) (iii)	Hà Nội	39,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng	390.000.000.000	27.360.809.823	417.360.809.823
7	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex (i)	Hà Nội	22,33%	10,00%	Sản xuất công nghiệp	6.900.000.000	589.338.905	7.489.338.905
8	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng	81.002.171.000	(49.619.803.383)	31.382.367.617
9	Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (ii)	Hà Nội	21,00%	21,00%	Đầu tư và khai thác đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang	42.111.081.600	-	42.111.081.600
						1.691.264.959.306	(563.551.116.565)	1.127.713.842.741

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

- (i) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300846090 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang đều là 21%.
- (iii) Tổng Công ty sở hữu 39.000.000 cổ phiếu của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "VVF") với tổng giá trị là 390.000.000.000 VND và với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong năm 2014, VVF đã có kế hoạch tái cơ cấu theo phương thức sáp nhập và hoán đổi cổ phiếu do VVF phát hành thành cổ phiếu của một đối tác khác. Tại ngày lập báo cáo này, VVF vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt,

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (i)	1.923.525.000.000	2.007.226.547.985
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel (ii)	92.500.000.000	92.500.000.000
Công ty cổ phần BOT 38	77.500.000.000	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt nam	72.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	52.761.753.930	52.761.753.930
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	25.005.670.788
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	17.663.275.000	17.663.275.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	14.500.000.000	14.500.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	136.393.734.604	67.583.584.260
	2.475.849.434.322	2.413.240.831.963
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(27.464.275.869)	(45.556.990.751)
Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn khác	2.448.385.158.453	2.367.683.841.212

- (i) Là khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013 và ngày kết thúc hợp đồng vay lần lượt là 29 tháng 8 năm 2021 và 29 tháng 11 năm 2015 với hạn mức cho vay tương ứng là 90.000.000 USD và 9.000.000 USD, lãi suất vay là 1,5%/năm.
- (ii) Ngày 09 tháng 02 năm 2015, Tổng Công ty đã kí hợp đồng chuyển nhượng 9.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoa Hướng Dương.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê tài sản	39.479.432.092	21.904.521.462
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	7.071.858.012	19.093.916.769
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	74.719.517.625	63.808.451.145
Khác	35.180.991.864	58.725.148.599
	156.451.799.593	163.532.037.975

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.013.397.592.642	2.329.001.283.920
- Vay tại Công ty mẹ	259.938.921.779	426.864.107.077
- Vay tại các công ty con	1.753.458.670.863	1.902.137.176.843
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	467.705.201.927	564.615.701.858
- Vay tại Công ty mẹ	123.044.502.221	150.161.010.100
- Vay tại các công ty con	344.660.699.706	414.454.691.758
	<u>2.481.102.794.569</u>	<u>2.893.616.985.778</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	1.867.775.341.996	2.134.852.591.754
Vay ngắn hạn cá nhân	145.622.250.646	194.148.692.166
Vay dài hạn đến hạn trả	467.705.201.927	564.615.701.858
	<u>2.481.102.794.569</u>	<u>2.893.616.985.778</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm từ 3,6%/năm đến 13%/năm (năm tài chính 2013: từ 5%/năm đến 14%/năm).

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	134.701.476.356	202.257.707.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.327.204.518	78.517.633.134
Thuế thu nhập cá nhân	17.817.819.178	18.012.065.190
Thuế tài nguyên	6.559.191.081	859.279.154
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	151.815.541.844	159.075.384.066
Các loại thuế khác	37.455.477.155	33.630.093.204
	<u>418.676.710.132</u>	<u>492.352.162.054</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long tiền đất dự án HH (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Phải trả chi phí thi công công trình	433.895.287.089	488.162.172.337
Kinh phí bảo trì các tòa nhà chung cư (ii)	172.253.018.547	158.891.778.289
Phải trả lãi tiền vay	11.205.690.260	36.186.956.128
Khoản trích theo lương phải nộp Ngân sách Nhà nước	35.138.589.248	39.352.390.631
Đặt cọc	20.274.177.511	57.807.799.259
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp	-	42.565.009.558
Cổ tức phải trả	1.763.206.254	1.599.559.254
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	391.382.217.907	420.706.416.378
	<u>1.565.912.186.816</u>	<u>1.745.272.081.834</u>

(i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án Star City Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH - Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội.

(ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu bao gồm dự phòng bảo hành cho các dự án N05, dự án Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, dự án chung cư 57 Vũ Trọng Phụng tại Công ty mẹ và các công ty con theo tỷ lệ trích lập từ 4,5% - 5% trên doanh thu của các dự án lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 và các chi phí ước tính để bảo dưỡng và sửa chữa các công trình, dự án khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	4.022.324.613.413	4.112.097.208.745
- Vay tại Công ty mẹ	1.464.011.992.302	1.611.413.353.829
- Vay tại các công ty con	2.558.312.621.111	2.500.683.854.916
Nợ thuê tài chính dài hạn	37.209.286.831	47.962.771.364
- Tại các công ty con	37.209.286.831	47.962.771.364
	<u>4.059.533.900.244</u>	<u>4.160.059.980.109</u>
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	(467.705.201.927)	(564.615.701.858)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.591.828.698.317</u>	<u>3.595.444.278.251</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	(Trình bày lại) VND
Ngân hàng		
- Ngân hàng BNP Paribas	185.989.264.079	220.184.834.486
- Ngân hàng Natexis	101.966.365.877	129.336.079.058
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	113.426.801.776	167.851.499.715
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	1.062.629.560.570	1.062.629.560.570
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	285.741.500.000	323.141.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	85.000.000.000	116.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	166.614.686.024	148.101.943.132
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	72.596.402.948	9.343.875.558
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	101.923.858.800	191.923.858.800
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	953.203.203.951	657.293.786.355
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	336.336.353.000	304.856.071.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex- Viettel	337.386.956.747	411.181.109.090
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex</i>	282.041.830.000	282.041.830.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex</i>	991.072.054	37.501.279.090
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex</i>	54.354.054.693	91.638.000.000
- Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng, tổ chức khác	256.718.946.472	418.215.862.345
Cộng	4.059.533.900.244	4.160.059.980.109

(i) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(ii) Khoản vay này phục vụ cho Dự án Hệ thống cấp nước Sông Đà và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng (+) 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ (6 tháng/1 kỳ) bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 USD để phục vụ cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iv) Khoản vay Quý đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội phục vụ cho Dự án bảo tàng Hà Nội với lãi suất 0% và phục vụ cho Dự án Kim Chung với nhiều hợp đồng vay có thời hạn vay 15 tháng và lãi suất từ 11,4%/năm đến 12%/năm.
- (v) Ngày 06 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HĐKT-NHPT. Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 493.506.000.000 VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,6%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn I Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miêu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vi) Ngày 05 tháng 8 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHĐTD của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2005/HĐTĐ-DH ngày 26 tháng 10 năm 2005 (được ký trước đây giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam). Theo đó, Công ty con nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 196.000.000.000 VND với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn I Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miêu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vii) Ngày 12 tháng 5 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng dài hạn 1200-LAV-201100624 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND. Hợp đồng hạn mức tín dụng có thời hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 19 tháng 5 năm 2011. Ngày 19 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1200LAV2009/1205/PL02. Theo Phụ lục này, kế hoạch trả gốc là 6 tháng 1 lần, thời gian ân hạn là 36 tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20 tháng 11 năm 2014). Thời hạn rút vốn vay là 48 tháng kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2009 (ngày ký hợp đồng). Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng (+) ba phần trăm một năm (3%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư có trên tài khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, các tổ chức tín dụng khác và tài sản hình thành từ Dự án Khu đô thị Du lịch Cái Giá - Cát Bà (cho dù tài sản đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thế chấp tài sản hình thành từ Dự án) và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- (viii) Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký các hợp đồng vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh BIM Sơn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cầu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Các khoản vay có thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 11%/năm đến 11,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ix) Tại ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) ký hợp đồng vay trung hạn với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, gọi tắt là "SHB") và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel); trong đó SHB là ngân hàng đầu môi, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay của SHB và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHD-TD/HSHB.BD ký giữa Công ty và SHB, khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 3 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(x) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535.466 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng $(-)$ 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo gồm:

- a. Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
- b. Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2014/PL sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 1.129 tỷ đồng và sửa đổi thời hạn vay của Hợp đồng này là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, đồng thời điều chỉnh thời gian rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(xi) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437.745 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.

(xii) Ngày 14 tháng 6 năm 2012, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng vay trung hạn số 14-0612/TDTH-VCTD với Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel với hạn mức cho vay là 200 tỷ VND để thanh toán các chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị thuộc dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ. Thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng tính cho từng lần rút vốn. Khoản vay chịu lãi suất 15,5%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này. Ngày 30 tháng 11 năm 2013, Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã ký thỏa thuận xử lý tài sản đảm bảo gồm toàn bộ diện tích mặt sàn từ tầng 6 đến tầng 15 và một phần tầng 16 của Tòa nhà văn phòng để đối trừ khoản vay có giá trị tương đương là 282 tỷ VND. Hiện hai bên đang tiến hành các thủ tục xử lý tài sản theo Biên bản thỏa thuận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN/VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.235.290.632	6.594.056.759	468.252.243.589	102.977.519.387	3.330.000.340	304.554.330.357	(462.519.145.574)
Tăng trong năm	-	-	-	2.985.038.615	-	-	-	40.255.934.871	496.015.591.939
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.134.900.666	4.873.135.446	-	-	(26.099.573.889)
Trích quỹ	-	-	-	-	(25.237.800.399)	(6.011.273.425)	-	-	31.249.073.824
Tặng/(Giảm) do Công ty mẹ thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	6.515.717.946
Thay đổi do Công ty liên kết thay đổi vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(93.606.920.224)	-
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/(Giảm) khác trong năm	-	-	357.281.210	(3.261.374.750)	6.408.734.682	481.261.362	(2.350.902)	-	(223.913.854)
Tại ngày 01/01/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.317.720.624	457.558.078.538	102.320.642.770	3.327.649.438	251.203.345.004	44.937.750.392
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	305.494.576.112
Trích quỹ	-	-	-	-	2.329.795.165	940.054.872	-	-	(18.438.710.047)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(176.684.269.200)
Giảm lỗ lũy kế do mua lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	-	-	-	-	-	-	-	-	58.680.673.048
Thay đổi do Công ty liên kết thay đổi vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.850.097.500)
Tặng/(Giảm) do Công ty mẹ thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	341.852.261	(1.298.508.193)	(89.568.073)	6.712.373	-	(4.395.003.065)
Tặng/(Giảm) khác trong năm	-	-	-	16.567.681	(5.275.307.669)	(762.040.390)	(41.923.085)	2.115.489.608	(1.096.006.594)
Tại ngày 31/12/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.676.140.566	453.314.057.841	102.409.089.179	3.292.438.776	253.318.834.612	205.648.913.146

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:**

	Năm 2014		Năm 2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000
Số dư cuối năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong 03 lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp và dịch vụ thương mại. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	17.337.996.125.347	3.599.414.305.382	2.373.759.754.877	2.831.943.078.683	(3.321.271.232.665)	22.821.842.031.624
Tổng tài sản hợp nhất	17.337.996.125.347	3.599.414.305.382	2.373.759.754.877	2.831.943.078.683	(3.321.271.232.665)	22.821.842.031.624

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	12.824.793.843.025	2.450.754.452.505	1.884.051.789.814	-	(1.610.119.451.185)	15.549.480.634.159
Tổng nợ phải trả hợp nhất	12.824.793.843.025	2.450.754.452.505	1.884.051.789.814	-	(1.610.119.451.185)	15.549.480.634.159

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	17.915.785.295.987	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.410
Tổng tài sản hợp nhất	17.915.785.295.987	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.410

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505	-	(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468
Tổng nợ phải trả hợp nhất	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505	-	(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	Sản xuất công nghiệp	Dịch vụ thương mại	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	8.762.542.930.843	759.075.298.535	191.875.199.003	(1.367.036.213.026)	8.346.457.215.355
Chi phí sản xuất kinh doanh	8.514.577.694.473	575.630.588.529	193.783.939.106	(1.348.556.442.435)	7.935.435.779.673
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	247.965.236.370	183.444.710.006	(1.908.740.103)	(18.479.770.591)	411.021.435.682
Lãi trong công ty liên kết, liên doanh					90.812.799.428
Doanh thu hoạt động tài chính					192.965.944.335
Chi phí tài chính					(299.246.061.663)
Lợi nhuận khác					24.583.067.747
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					420.137.185.529
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(55.854.364.644)
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4.460.220.371)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					368.743.041.256

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	Sản xuất công nghiệp	Dịch vụ thương mại	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	9.859.714.846.788	3.154.737.592.074	207.320.556.236	(2.117.624.510.177)	11.104.148.484.921
Chi phí sản xuất kinh doanh	9.536.207.887.670	2.868.351.161.505	251.906.726.115	(2.292.261.263.845)	10.364.204.511.445
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	323.506.959.118	286.386.430.569	(44.586.169.879)	174.636.753.668	739.943.973.476
Lãi trong công ty liên kết, liên doanh					30.353.895.725
Doanh thu hoạt động tài chính					408.812.677.368
Chi phí tài chính					(839.628.708.264)
Lợi nhuận khác					373.531.573.580
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					713.013.411.885
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(70.518.827.067)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(119.573.503.072)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					522.921.081.746

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu xây lắp	5.298.880.535.421	6.460.615.142.919
Doanh thu sản xuất công nghiệp	727.140.207.385	2.646.641.445.023
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.488.648.103.724	1.264.753.817.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	582.597.931.378	630.804.315.127
Doanh thu khác	250.422.533.280	170.399.194.119
	8.347.689.311.188	11.173.213.914.760
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	67.107.513.296
Giảm giá hàng bán	492.747.301	853.670.154
Hàng bán bị trả lại	739.348.532	1.104.246.389
	1.232.095.833	69.065.429.839
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.346.457.215.355	11.104.148.484.921

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	5.007.407.701.258	5.794.197.277.120
Giá vốn sản xuất công nghiệp	472.233.336.450	2.055.418.930.509
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.248.649.722.069	1.059.112.354.221
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	430.149.638.373	546.633.368.053
Giá vốn hàng bán khác	208.121.037.921	203.840.126.606
	7.366.561.436.071	9.659.202.056.509

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.711.367.234.099	4.158.200.744.264
Chi phí nhân công	1.259.633.564.541	1.396.885.057.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.255.614.297	573.215.806.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	2.526.158.047.611	3.994.167.224.704
	6.830.414.460.548	10.122.468.833.053

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.673.388.470	46.616.709.107
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.517.886.375	160.495.539.584
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.131.934.000	10.159.277.122
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	28.778.014.342	10.095.280.281
Lợi nhuận cố định từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	150.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.864.721.148	31.445.871.274
	192.965.944.335	408.812.677.368

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	275.832.731.052	663.439.192.859
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	417.584.993	(19.770.151.772)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.271.085.097	91.577.422.709
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.604.975.168	52.729.147.591
Chi phí tài chính khác	4.119.685.353	51.653.096.877
	299.246.061.663	839.628.708.264

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	91.000.325.034	38.659.691.860
Thu nhập từ thuế nhà thầu nước ngoài	42.565.009.558	-
Lợi nhuận thực hiện trong giao dịch bán tài sản nội bộ khi thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	12.985.740.019	322.165.871.555
Thu từ tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Dự án Xi măng Cẩm Phả (i)	12.074.488.443	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành dự án N05	-	24.489.648.348
Các khoản thu nhập khác	75.444.783.680	49.822.556.542
Thu nhập khác	234.070.346.734	435.137.768.305
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	163.050.655.455	13.183.191.321
Các khoản chi phí khác	46.436.623.532	48.423.003.404
Chi phí khác	209.487.278.987	61.606.194.725
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	24.583.067.747	373.531.573.580

- (i) Là khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án Xi măng Cẩm Phả. Căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số 1311/2005/HĐ/HTLS ngày 31 tháng 12 năm 2005 và Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư sửa đổi, bổ sung số 02/2014/HĐHTSĐTSTĐBS-NHPT ngày 10 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty được hưởng khoản này do là chủ đầu tư của Dự án. Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đang thực hiện các thủ tục để thống nhất việc ghi nhận khoản thu nhập từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với số tiền khoảng 12 tỷ VND. Việc ghi nhận khoản thu nhập này sẽ ảnh hưởng tới giá trị của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trên báo cáo của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính với số tiền là 3,8 tỷ đồng theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31/12/2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ trong năm là 305.105.011.309 VND (năm tài chính 2013: 496.015.591.939 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (năm tài chính 2013: 441.710.673), được thực hiện như sau:

	2014	2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	368.743.041.256	522.921.081.746
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ (VND)	305.494.576.112	496.015.591.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	441.710.673	441.710.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	692	1.123

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG VÀ THÔNG TIN KHÁC

- Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.
- UBND TP Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Vinaconex và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Vinaconex đang là doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, khoản 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư, do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, thì tại thời điểm đó Vinaconex đã là Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG VÀ THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

- Trong năm 2014, Tổng Công ty đã nhận được Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND thành phố Hà Nội xác định giá trị quyền sử dụng đất lô đất HH là 1.175 tỷ đồng. Nếu tiến hành bù trừ giá trị quyền sử dụng đất, giá trị công trình bảo tàng Hà Nội đã nghiệm thu và tiền Sở Xây dựng Hà Nội đã ứng cho Tổng Công ty thì Tổng Công ty sẽ phải trả lại Sở Xây dựng Hà Nội số tiền khoảng 524 tỷ đồng. Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (OTL) và Tổng Công ty để thực hiện đầu tư dự án trên lô đất HH, OTL sẽ có nghĩa vụ thanh toán khoản chênh lệch này cho Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với OTL để thống nhất việc thực hiện nghĩa vụ giữa hai bên.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước sông Đà (giai đoạn 1) của Vinaconex. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục cảnh sát kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được Công văn số 11019/SXD-QLKT từ Sở Xây dựng thành phố Hà Nội chấp thuận khối lượng hoàn thành lần ba của Dự án Bảo tàng Hà Nội thêm 102 tỷ VND. Dự án Bảo tàng Hà Nội đang chờ được quyết toán và giá trị khối lượng hoàn thành trên có thể thay đổi sau khi được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước. Do vậy, Tổng Công ty chưa ghi nhận khối lượng này vào báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để quyết toán Dự án Bảo tàng Hà Nội.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được tài sản và nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Công ty mẹ - Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang với số tiền 104.227.700.000 VND, chiếm 21% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 42.111.081.600 VND.

35. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Theo Nghị quyết số 02 và số 03/2014/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (Viwasupco) - công ty con của Tổng Công ty - đã có ý kiến chủ trương đầu tư giai đoạn 2 Dự án xây dựng Hệ thống cấp nước sông Đà ("Dự án") nhằm nâng công suất hệ thống cấp nước từ 300.000 m³/ngày đêm lên 600.000m³/ngày đêm, dự định chia làm 2 phân kỳ. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Viwasupco đang trong giai đoạn chờ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án. Theo đó, tổng mức đầu tư dự kiến của phân kỳ 1 khoảng 1.238 tỷ VND, phân kỳ 2 khoảng 3.683 tỷ VND, thực hiện từ quý 3 năm 2015 đến quý 4 năm 2019. Quyết định cuối cùng về việc đầu tư xây dựng giai đoạn 2 sẽ được quyết định bởi Đại hội đồng cổ đông Viwasupco và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	6.072.931.492.886	6.489.061.264.029
Trừ: Tiền và khoản tương đương tiền	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438
Nợ thuần	4.594.326.277.503	5.378.460.315.591
Vốn chủ sở hữu	5.551.144.843.300	5.394.266.045.604
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,83	1,00

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.526.453.752.277	5.172.542.198.570
Đầu tư ngắn hạn	159.902.015.160	90.974.152.186
Đầu tư dài hạn	2.448.385.158.453	2.367.683.841.212
Tổng cộng	9.613.346.141.273	8.741.801.140.406
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.072.931.492.886	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.202.386.682.841	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	773.454.343.440	754.751.036.209
Tổng cộng	11.048.772.519.167	11.409.228.410.499

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	554.989.197.896	669.515.778.841	2.609.591.238.111	3.012.562.313.056

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	205.460.204.022	234.304.653.422

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(121.458.629.858)
VND	-200	121.458.629.858
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+200	(129.781.225.281)
VND	-200	129.781.225.281

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đã đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền khoảng 33,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 46,2 tỷ VND).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện xem xét đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi với số tiền khoảng 411,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 313,6 tỷ VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.478.605.215.383	-	1.478.605.215.383
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.172.912.072.295	353.541.679.982	5.526.453.752.277
Đầu tư ngắn hạn	159.902.015.160	-	159.902.015.160
Đầu tư dài hạn	-	2.448.385.158.453	2.448.385.158.453
	6.811.419.302.838	2.801.926.838.435	9.613.346.141.273
Các khoản vay	2.481.102.794.569	3.591.828.698.317	6.072.931.492.886
Phải trả người bán và phải trả khác	4.071.932.175.188	130.454.507.653	4.202.386.682.841
Chi phí phải trả	773.454.343.440	-	773.454.343.440
	7.326.489.313.197	3.722.283.205.970	11.048.772.519.167
Chênh lệch thanh khoản thuần	(515.070.010.359)	(920.356.367.535)	(1.435.426.377.894)
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.110.600.948.438	-	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.876.737.236.521	295.804.962.049	5.172.542.198.570
Đầu tư ngắn hạn	90.974.152.186	-	90.974.152.186
Đầu tư dài hạn	-	2.367.683.841.212	2.367.683.841.212
	6.078.312.337.145	2.663.488.803.261	8.741.801.140.406
Các khoản vay	2.893.616.985.778	3.595.444.278.251	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.028.361.395.641	137.054.714.620	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	754.751.036.209	-	754.751.036.209
	7.676.729.417.628	3.732.498.992.871	11.409.228.410.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.598.417.080.483)	(1.069.010.189.610)	(2.667.427.270.093)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty và các Công ty con có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các khoản hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau
		VND	VND	phân loại lại
				VND

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đầu tư ngắn hạn	121	41.929.801.044	49.737.069.816	91.666.870.860
Phải thu ngắn hạn khác	135	822.572.371.453	(49.737.069.816)	772.835.301.637
Phải thu dài hạn khác	218	2.302.614.909.683	(2.007.226.547.985)	295.388.361.698
Đầu tư dài hạn khác	258	406.014.283.978	2.007.226.547.985	2.413.240.831.963


Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

